TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-03-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Tăng Văn Chiến

2/- Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Trương Bích H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp K, xã R, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị H có mặt, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Trương Bích H trình bày: Chị và anh Trần Văn N xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã R, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình chung sống chị và anh N có 01 (một) con chung tên: Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020. Hiện cháu P đang sống cùng với chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh N là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh N đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, chị H không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh N.

Nay, chị Trần Trương Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn N; Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị H không còn có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 12 năm 2022, theo bị đơn là anh Trần Văn N trình bày: Anh thống nhất theo trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Trần Trương Bích H, Về con chung; Anh N đồng ý giao con chung là cháu Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Trương Bích H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Anh N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Trần Trương Bích H phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Trần Trương Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Văn N nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn N có địa chỉ tại ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, anh Trần Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh N xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã R, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp và đã được Uỷ ban nhân dân xã R, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/2020. Vì thế, hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị H và anh N đều thống nhất xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh N là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị H và anh N đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị H và anh N không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị H và anh N đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Trong quá trình xét xử vụ án, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Đồng thời, anh N cũng đồng ý ly hôn với chị H. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Trần Trương Bích H đối với anh Trần Văn N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh N có 01 (một) con chung tên: Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020. Hiện cháu P đang sống cùng với chị H, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Tại thời điểm giải quyết, cháu Phúc dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống ổn định cùng với chị H, đồng thời, trong vụ án này, chị H và anh N đã thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Anh N cũng đồng ý giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc thỏa thuận này của chị H và anh N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận và cần tiếp tục giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N thống nhất xác định chị H và anh N không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Trương Bích H đối với anh Trần Văn N, xử cho ly hôn giữa chị Trần Trương Bích H và anh Trần Văn N.

2/- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Thiên P, sinh ngày 22/10/2020 cho chị Trần Trương Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Trương Bích H không yêu cầu.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Trương Bích H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003420 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã R, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên